

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG H
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2020
V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y.

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Minh Hoàng và Nguyễn Thanh Tiền

Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Giàu là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Văn L, sinh năm 1970;

Bị đơn: Bà Trần Bích T, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp L, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B.
(ông L, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng ông Lâm Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1992 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Do cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân 04 năm, trong thời gian sống ly thân ông bà cũng không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Hải G, sinh năm 1993 và Lâm Hải D, sinh ngày 01/8/2002. Giàu đã thành niên không đặt ra xem xét; đối với Dư ông đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Bà Trần Bích T thống nhất với lời trình bày của ông L về quan hệ hôn nhân, con và tài sản chung, bà không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Lâm được ly hôn với bà Trần Bích T; về con chung: Tạm giao con chung tên Lâm Hải Dur, sinh ngày 01/8/2002 cho bà Trần Bích T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con không xem xét; về tài sản chung và nợ không xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Lâm Văn L phải nộp số tiền 300.000đ, ông L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H theo biên lai thu số 0004233 ngày 14/02/2020 được chuyển thu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Ông Lâm Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Bích T, bà T có địa chỉ cư trú tại ấp Lung Xinh, xã Định Thành, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

[1.2]. Ông Lâm Văn L và bà Trần Bích T có đơn xin xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Năm 1992 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và nhưng không có ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông L yêu cầu ly hôn, không giải quyết cho ông L ly hôn mà căn cứ vào khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông L bà T là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian ông bà sống ly thân, con chung do bà T nuôi dưỡng. Đồng thời em Dur có nguyện vọng được sống với bà T, nên cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Lâm Văn L phải nộp số tiền 300.000đ, ông L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H theo biên lai thu số 0004233 ngày 14/02/2020 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lâm Văn L và bà Trần Bích T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tạm giao con chung tên Lâm Hải D, sinh ngày 01/8/2002 cho bà Trần Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện bà T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên. Ông Lâm Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Lâm Văn L phải nộp số tiền 300.000đ, ông L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H theo biên lai thu số 0004233 ngày 14/02/2020 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

